

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Phần sở hữu của Công ty trong vốn chủ sở hữu thực có tại bên nhận đầu tư được xác định căn cứ vào Bảng cân đối kế toán của bên nhận đầu tư tại ngày trích lập dự phòng.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM HÀ NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Công ty không trích khấu hao đối với giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian sử dụng đất. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 đến 06 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm nhà cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bỏ ra để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư. Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Bất động sản đầu tư là nhà cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 25 đến 40 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước chủ yếu của Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 36 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là phải trả dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn ba điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- (b) Có thể xảy ra sự giảm sút về những lợi ích kinh tế dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- (c) Giá trị của nghĩa vụ nợ đó được một ước tính đáng tin cậy.

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi ra để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ thường được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành. Theo phương pháp này, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi, tiền vay; chiết khấu thanh toán; lãi chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ theo thông báo của tổ chức tín dụng.
- Chiết khấu thanh toán được ghi nhận theo thông báo của bên nhận thanh toán (nhà cung cấp).

Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một

thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM HÀ NỘI**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tổng công ty).

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	2.504.242.000	2.116.965.000
Tiền gửi ngân hàng	6.510.009.697	15.295.893.981
Các khoản tương đương tiền	23.100.000.000	7.800.000.000
Cộng	<u>32.114.251.697</u>	<u>25.212.858.981</u>

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại các ngân hàng thương mại.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi nhánh Công ty TNHH Bia Carlsberg Việt Nam tại Hà Nội	1.861.256.600	7.113.116.200
Tổng Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	1.955.688.000	2.509.650.000
Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng	1.815.699.000	1.989.624.000
Công ty CP Xuất nhập khẩu & Đầu tư Đông Nam Việt	1.483.277.500	1.199.040.000
Bà Trần Thị Xuân Yến	1.522.122.241	1.522.122.241
Công ty Cổ phần Sơn Châu Á	1.981.927.900	1.981.927.900
Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Châu Á	1.224.960.000	2.777.775.000
Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển gạo Việt- Chi nhánh Tổng công ty Lương thực miền Bắc	8.488.056.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Xây dựng 3	1.429.910.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	7.397.023.653	7.443.082.114
Cộng	<u>29.159.920.894</u>	<u>26.536.337.455</u>

Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	52.682.452	2.289.524
Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển gạo Việt- Chi nhánh Tổng công ty Lương thực miền Bắc	8.488.056.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM HÀ NỘI**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Địa chính Tây Hồ	198.000.000	506.000.000
Công ty TNHH Hiệp Thanh	4.275.000.000	-
Bà Lê Thị Quyên	825.000.000	247.500.000
Trả trước cho người bán khác	1.119.317.056	197.643.423
Cộng	<u>6.417.317.056</u>	<u>951.143.423</u>

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngắn hạn	4.795.261.439	-	5.383.705.717	-
Tiền lãi dự thu	49.020.417	-	-	-
Tạm ứng	300.745.383	-	552.956.312	-
Ký cược, ký quỹ	4.300.000.000	-	4.500.000.000	-
Phải thu khác	145.495.639	-	330.749.405	-
Dài hạn	3.877.629.398	-	3.630.975.233	-
Ký cược, ký quỹ	3.877.629.398	-	3.630.975.233	-
Cộng	<u>8.672.890.837</u>	<u>-</u>	<u>9.014.680.950</u>	<u>-</u>

10. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	155.636.480	-	3.779.800.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	818.621.300	-	1.184.103.136	-
Công cụ, dụng cụ	269.503.370	-	308.635.582	-
Thành phẩm	5.076.316.817	-	4.317.506.457	-
Hàng hoá	30.772.011.547	-	27.919.908.685	-
Cộng	<u>37.092.089.514</u>	<u>-</u>	<u>37.509.953.860</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM HÀ NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09-DN

11. NỢ XẤU

Thời gian quá hạn	31/12/2017				01/01/2017			
	Năm	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	VND
Công ty Cổ phần Sơn Châu Á	Trên 3 năm	1.981.927.900	-	1.981.927.900	1.981.927.900	-	1.981.927.900	VND
Bà Trần Thị Xuân Yến	Trên 3 năm	1.522.122.241	-	1.522.122.241	1.522.122.241	-	1.522.122.241	VND
Công ty TNHH An Lạc - Tiên Sơn	Trên 3 năm	306.090.000	-	306.090.000	306.090.000	-	306.090.000	VND
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	218.319.650	-	218.319.650	218.319.650	-	218.319.650	VND
Cộng		4.028.459.791	-	4.028.459.791	4.028.459.791	-	4.028.459.791	

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM HÀ NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09-DN

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2017	25.998.412.269	4.379.025.226	3.451.400.550	-	33.828.838.045
Mua trong năm	-	-	-	118.000.000	118.000.000
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(742.707.550)	-	-	-	(742.707.550)
Giảm khác	(4.255.670.706)	-	-	-	(4.255.670.706)
Tại ngày 31/12/2017	21.000.034.013	4.379.025.226	3.451.400.550	118.000.000	28.948.459.789
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2017	17.529.530.376	2.873.378.279	1.761.957.545	-	22.164.866.200
Khấu hao trong năm	785.824.348	254.635.875	266.400.965	19.666.666	1.326.527.854
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(603.307.694)	-	-	-	(603.307.694)
Giảm khác	(3.810.223.067)	-	-	-	(3.810.223.067)
Tại ngày 31/12/2017	13.901.823.963	3.128.014.154	2.028.358.510	19.666.666	19.077.863.293
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	8.468.881.893	1.505.646.947	1.689.443.005	-	11.663.971.845
Tại ngày 31/12/2017	7.098.210.050	1.251.011.072	1.423.042.040	98.333.334	9.870.596.496
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao đang sử dụng	5.020.916.425	2.330.758.381	903.062.720	-	8.254.737.526

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM HÀ NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2017	2.996.027.000	115.000.000	3.111.027.000
Tại ngày 31/12/2017	2.996.027.000	115.000.000	3.111.027.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2017	648.346.380	14.375.000	662.721.380
Khấu hao trong năm	58.940.580	19.166.667	78.107.247
Tại ngày 31/12/2017	707.286.960	33.541.667	740.828.627
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2017	2.347.680.620	100.625.000	2.448.305.620
Tại ngày 31/12/2017	2.288.740.040	81.458.333	2.370.198.373

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

KHOẢN MỤC	<u>01/01/2017</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>31/12/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>trong năm</u>	<u>trong năm</u>	<u>VND</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>	
Bất động sản đầu tư cho thuê				
NGUYÊN GIÁ	16.888.749.609	4.272.954.975	2.347.995.399	18.813.709.185
Nhà	16.888.749.609	4.272.954.975	2.347.995.399	18.813.709.185
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	3.959.779.914	1.253.844.912	375.679.264	4.837.945.562
Nhà	3.959.779.914	1.253.844.912	375.679.264	4.837.945.562
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	12.928.969.695			13.975.763.623
Nhà	12.928.969.695			13.975.763.623
Danh mục Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2017		Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
		<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nhà tầng 1 và tầng 2 tại 195 Đội Cấn		2.652.020.972	933.061.916	1.718.959.056
Nhà tầng 1 chung cư N04B2 khu đô thị mới Dịch Vọng		5.861.891.998	373.063.135	5.488.828.863
Nhà tầng 1 toàn nhà D2 Giảng Võ		1.900.000.000	240.666.667	1.659.333.333
Nhà tại 84 Quán Thánh		3.407.785.075	2.433.320.515	974.464.560
Nhà tại 113 Sơn Tây		4.249.303.590	217.482.850	4.031.820.740
Nhà làm việc tại 179 Giảng Võ		742.707.550	640.350.479	102.357.071
Cộng		<u>18.813.709.185</u>	<u>4.837.945.562</u>	<u>13.975.763.623</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM HÀ NỘI**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công trình 168 Lò Đúc, Hà Nội	30.000.000	30.000.000
Công trình nhà 16 Châu Long, Hà Nội	1.522.488.460	1.492.470.278
Cộng	<u>1.552.488.460</u>	<u>1.522.470.278</u>

16. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Phân phối - Bán lẻ VNF1. Tổng giá trị vốn góp là 17.663.000.000 đồng, tương đương 1.766.300 cổ phần, chiếm 10,16% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Phân phối - Bán lẻ VNF1. Trong đó, giá trị vốn góp bằng tài sản cố định hữu hình là 3.494.000.000 đồng và góp bằng lợi thế khai thác quyền sử dụng đất là 14.169.000.000 đồng.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Tiến Hưng	10.629.695.451	10.629.695.451	8.131.559.629	8.131.559.629
Công ty TNHH Interflour Việt Nam	141.390.700	141.390.700	2.306.219.700	2.306.219.700
Công ty Cổ phần Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi	700.000.000	700.000.000	2.301.353.000	2.301.353.000
Công ty CP XNK Thịnh Phú An Giang	8.458.027.500	8.458.027.500	-	-
CN CB và XK Lương thực Đồng Tháp-Tổng Công ty Lương thực miền Bắc	2.634.502.000	2.634.502.000	1.264.000.000	1.264.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Bột mì Vimalour	1.303.826.276	1.303.826.276	1.637.454.269	1.637.454.269
CN Công ty TNHH Uni president Việt Nam tại Quảng Nam	1.526.990.000	1.526.990.000	1.540.035.000	1.540.035.000
Công ty TNHH AB Mauri Việt Nam	1.941.372.755	1.941.372.755	1.479.832.255	1.479.832.255
Phải trả người bán khác	4.331.432.013	4.331.432.013	6.091.477.062	6.091.477.062
Cộng	<u>31.667.236.695</u>	<u>31.667.236.695</u>	<u>24.751.930.915</u>	<u>24.751.930.915</u>

Phải trả người bán là các bên liên quan

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi nhánh Chế biến và Xuất khẩu Lương thực Đồng Tháp-Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	2.634.502.000	1.264.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM HÀ NỘI**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. NGƯỜI MUA TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Bà Nguyễn Thị Liên	5.732.199.017	4.224.030.616
Khách hàng khác	2.866.365.675	116.238.611
Cộng	8.598.564.692	4.340.269.227

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	3.126.039.138	1.195.848.682
Doanh thu nhận trước	3.126.039.138	1.195.848.682
Dài hạn	20.714.212.929	22.526.127.935
Lợi thế khai thác quyền sử dụng đất góp vốn vào Công ty Cổ phần Phân phối - Bán lẻ VNF1 (i)	14.169.000.000	14.169.000.000
Giá trị tài sản được nhận từ Dự án 195 Đội Cấn (ii)	1.718.959.052	1.820.074.292
Giá trị tài sản được nhận từ dự án tòa nhà chung cư N04B2 khu đô thị mới Dịch Vọng (iii)	2.657.828.862	2.051.847.221
Giá trị tài sản được nhận từ dự án chung cư Hoàng Sâm, Cầu Giấy (iii)	-	2.066.235.951
Giá trị tài sản được nhận từ dự án tòa nhà D2 Giảng Võ (iv)	1.659.333.333	1.735.333.333
Doanh thu nhận trước	509.091.682	683.637.138
Cộng	23.840.252.067	23.721.976.617

- (i) Là giá trị lợi thế khai thác quyền sử dụng đất góp vốn vào Công ty Cổ phần Phân phối - Bán lẻ VNF1 (Công ty con của Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc). Theo công văn số 719/TCTLTMB - TCKT ngày 25/12/2008 của Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc, do Công ty chưa có đủ hồ sơ pháp lý để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Phân phối - Bán lẻ VNF1 theo cam kết góp vốn, nên Công ty chưa ghi nhận thu nhập tương ứng với giá trị lợi thế khai thác quyền sử dụng đất nêu trên.
- (ii) Là giá trị còn lại của bất động sản được chia theo Thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 12/03/2003 về việc hợp tác đầu tư xây dựng công trình tổ hợp cao tầng tại số 195 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội. Bất động sản được sử dụng để cho thuê. Công ty thực hiện phân bổ giá trị của bất động sản nhận được vào thu nhập khác theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 25 năm, tương ứng với thời gian sử dụng ước tính của tài sản này.
- (iii) Là giá trị còn lại của các bất động sản được chia theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh xây dựng trung tâm thương mại - tổ hợp nhà ở số 9 Cát Linh - số 3 Đặng Trần Côn ký ngày 15/05/2002 giữa Công ty với Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô. Các bất động sản này được sử dụng cho thuê. Công ty thực hiện phân bổ giá trị của các bất động sản nhận được vào thu nhập khác theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 25 năm, tương ứng với thời gian sử dụng ước tính của các tài sản này.

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện đổi 132 m² sàn thương mại tầng 1 tại tòa nhà chung cư Hà Đô phố Hoàng Sâm với Công ty Cổ phần tập đoàn Hà Đô để nhận lại 185,5 m² sàn còn lại tại tầng 1 tòa nhà chung cư N04B2 dự án khu đô thị mới Dịch Vọng theo Phụ lục

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM HÀ NỘI**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

hợp đồng số 04/PLHĐ ngày 22/11/2017. Giá trị còn lại của tài sản này tại ngày bàn giao là 1.972.316.135 đồng, được Công ty ghi nhận vào khoản mục Chi phí khác - Xem thêm Thuyết minh số 32. Đồng thời, doanh thu chưa thực hiện liên quan tới tài sản này được Công ty kết chuyển toàn bộ vào Thu nhập khác với số tiền tương ứng là 1.972.316.135 đồng - Xem thêm Thuyết minh số 31.

- (iv) Là giá trị còn lại của bất động sản được chia theo Hợp đồng số 102/HĐ/GB-SĐTL về việc hỗ trợ di dời, tạm cư và tái định cư cửa hàng thuộc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội tại tầng 1, nhà D2 Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, Hà Nội ký ngày 28/07/2010 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà Gia Bảo. Bất động sản được sử dụng cho thuê. Công ty thực hiện phân bổ giá trị của các bất động sản nhận được vào thu nhập khác theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 25 năm, tương ứng với thời gian sử dụng ước tính của tài sản này.

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	48.536.032.721	46.570.836.129
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc (**)	25.500.000.000	25.500.000.000
Bảo hiểm xã hội	-	27.016.816
Tạm trích tiền thuê đất, thuê nhà phải trả các Chi cục Thuế (*)	6.136.853.659	5.646.595.848
Tiền thuê đất, thuê nhà phải trả Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội	6.170.384.060	5.391.971.422
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30.000.000	332.600.000
Phải trả khác	10.698.795.002	9.672.652.043
Dài hạn	1.315.822.605	1.662.305.469
Nhập ký quỹ, ký cược dài hạn	1.080.453.500	1.092.629.500
Phải trả khác	235.369.105	569.675.969
Cộng	49.851.855.326	48.233.141.598

(*) Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa có số liệu quyết toán cuối cùng về số tiền thuê đất, thuê nhà còn phải trả các Chi cục Thuế.

(**) Phải trả Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc (Công ty mẹ - Bên liên quan) theo hợp đồng dự trữ lưu thông số 01/QLV/VINAFOOD1/2017 ngày 12/09/2017.

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Dự phòng phải trả ngắn hạn là khoản dự phòng chi phí sửa chữa các tài sản là nhà cửa, cơ sở hạ tầng tại các điểm bán hàng và cho thuê của Công ty theo kế hoạch sửa chữa tài sản hàng năm của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM HÀ NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	(185.384.830)	4.017.736.621	3.772.112.676	60.239.115
Thuế thu nhập doanh nghiệp	199.197.738	1.272.810.964	851.190.619	620.818.083
Thuế thu nhập cá nhân	22.205.884	231.148.111	220.348.677	33.005.318
Thuế đất, tiền thuê đất	5.620.714	9.989.936.520	9.989.936.520	5.620.714
Thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	138.282.130	138.282.130	-
Cộng	41.639.506	15.649.914.346	14.971.870.622	719.683.230
Trong đó:				
- Thuế và các khoản phải thu nhà nước (*)	535.779.211			535.779.211
- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	577.418.717			1.255.462.441

(*) Bao gồm phải thu thuế GTGT còn được hoàn của Chi nhánh An Giang là 534.018.948 đồng và thuế TNDN nộp thừa của Chi nhánh Kinh doanh Lương thực Thực phẩm là 1.760.263 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM HÀ NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị		Tăng		Giá trị	
	VND	Số có khả năng trả nợ VND	VND	Giảm VND	VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	10.950.000.000	10.950.000.000	82.466.563.600	83.605.563.600	9.811.000.000	9.811.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	20.925.000.000	20.925.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ	-	-	38.051.840.000	38.051.840.000	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - PGD Quán Thánh	-	-	828.723.600	828.723.600	-	-
Các khoản vay các nhân của các Chi nhánh trực thuộc Công ty	10.950.000.000	10.950.000.000	22.661.000.000	23.800.000.000	9.811.000.000	9.811.000.000
Bà Nguyễn Thị Liên	2.700.000.000	2.700.000.000	-	-	2.700.000.000	2.700.000.000
Ông Đỗ Khắc Nghị	2.580.000.000	2.580.000.000	-	2.580.000.000	-	-
Ông Phạm Văn Đạo	3.990.000.000	3.990.000.000	17.325.000.000	17.210.000.000	4.105.000.000	4.105.000.000
Ông Phạm Thọ Quyết	-	-	2.200.000.000	1.200.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Các cá nhân khác	1.680.000.000	1.680.000.000	3.136.000.000	2.810.000.000	2.006.000.000	2.006.000.000
Vay dài hạn	45.000.000	45.000.000	-	45.000.000	-	-
Ông Phùng Văn Đạt	45.000.000	45.000.000	-	45.000.000	-	-
Cộng	10.995.000.000	10.995.000.000	82.466.563.600	83.650.563.600	9.811.000.000	9.811.000.000

